

THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: Cao đẳng chính quy khóa 2018 - Ngành Kế toán (18A) - Sĩ Số: 14 - Tài chính Kế toán

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 30/12/19 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (Tuần 1). Các ký từ 1 tiếp theo (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ

Mã MH	Tổ TH	Tên môn học	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 123456789012345678901234567	
Thời Khóa Biểu Học Tập									
1017006		Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	1050	Phan Thị Mỹ Liên	2	123-----	A2.03	123	890
1017009		Thực hành kế toán máy	1125	Văn Thị Thanh Yên	2	1234-----	B2.01	12	
1017011		Thực tập tại cơ sở (KTDN)	1125	Văn Thị Thanh Yên	2	1234-----	B2.01	45	
1017011		Thực tập tại cơ sở (KTDN)	1125	Văn Thị Thanh Yên	2	-----6789----	B2.01	45	
1017009		Thực hành kế toán máy	1036	Nguyễn Thị Hiền	3	1234-----	A2.03	123	890
1017011		Thực tập tại cơ sở (KTDN)	1125	Văn Thị Thanh Yên	3	1234-----	B2.01	345	
1017009		Thực hành kế toán máy	1125	Văn Thị Thanh Yên	3	1234-----	B2.01	12	
1017011		Thực tập tại cơ sở (KTDN)	1125	Văn Thị Thanh Yên	3	-----6789----	B2.01	345	
1017009		Thực hành kế toán máy	1125	Văn Thị Thanh Yên	4	1234-----	B2.01	012	
1017006		Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	1050	Phan Thị Mỹ Liên	4	123-----	A2.03	23	89
1017011		Thực tập tại cơ sở (KTDN)	1125	Văn Thị Thanh Yên	4	1234-----	B2.01	34	
1017011		Thực tập tại cơ sở (KTDN)	1125	Văn Thị Thanh Yên	4	-----6789----	B2.01	34	
1017009		Thực hành kế toán máy	1036	Nguyễn Thị Hiền	5	1234-----	A2.03	12	89
1017009		Thực hành kế toán máy	1125	Văn Thị Thanh Yên	5	1234-----	B2.01	012	
1017011		Thực tập tại cơ sở (KTDN)	1125	Văn Thị Thanh Yên	5	1234-----	B2.01	3	
1017011		Thực tập tại cơ sở (KTDN)	1125	Văn Thị Thanh Yên	5	-----6789----	B2.01	3	
1017011		Thực tập tại cơ sở (KTDN)	1125	Văn Thị Thanh Yên	6	1234-----	B2.01	34	
1017011		Thực tập tại cơ sở (KTDN)	1125	Văn Thị Thanh Yên	6	-----6789----	B2.01	34	

THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Mã MH	Tổ TH	Tên môn học	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 123456789012345678901234567
Các học phần xếp TKB theo tuần								
1017012		Thực tập nghề cuối khóa (KTDN)			*			6789012345

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Thị Thanh Huyền

Đà Nẵng, Ngày tháng năm
TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Mã MH	Tổ TH	Tên môn học	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
								123456789012345678901234567
1003009		Kiểm nghiệm chất lượng thực phẩm	1091	Ngô Thị Song	5	1234-----	PTN.KH TP	12 890123
1003009		Kiểm nghiệm chất lượng thực phẩm	1062	Trần Thị Thanh Mẫn	5	1234-----	PTN.KH TP	9012
1004016		Pha chế đồ uống	1032	Châu Thành Hiền	5	-----6789----	C2.09	12 89012
1004016		Pha chế đồ uống	1105	Nguyễn Thị Thu Thùy	6	1234-----	C2.09	4567
1004015		Chế biến món ăn	1087	Tạ Thị Tố Quyên	6	-----6789----	B1.06	34567
1004016		Pha chế đồ uống	1032	Châu Thành Hiền	6	-----6789----	C2.09	012

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Thị Thanh Huyền

Đà Nẵng, Ngày tháng năm
TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: Cao đẳng CQ khóa 2018 - Ngành Công nghệ thực phẩm lớp 2 (18C2) - Sĩ Số: 18 - Công nghệ Thực phẩm

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 30/12/19 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (Tuần 1). Các ký từ 1 tiếp theo (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ

Mã MH	Tổ TH	Tên môn học	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 123456789012345678901234567	
Thời Khóa Biểu Học Tập									
1003003		Quản lý chất lượng thực phẩm	1059	Hồ Thị Tuyết Mai	2	123-----	A2.02	123	890
1003009		Kiểm nghiệm chất lượng thực phẩm	1062	Trần Thị Thanh Mẫn	2	1234-----	PTN.KH TP	2345678	
1004016		Pha chế đồ uống	1032	Châu Thành Hiền	2	1234-----	C2.09	90123	
1004015		Chế biến món ăn	1087	Tạ Thị Tố Quyên	3	1234-----	B1.05	123	890123
1004016		Pha chế đồ uống	1032	Châu Thành Hiền	3	1234-----	C2.09	89012	
1003009		Kiểm nghiệm chất lượng thực phẩm	1062	Trần Thị Thanh Mẫn	3	1234-----	PTN.KH TP	4567	
1004016		Pha chế đồ uống	1032	Châu Thành Hiền	4	1234-----	C2.09	89012	
1003003		Quản lý chất lượng thực phẩm	1059	Hồ Thị Tuyết Mai	4	123-----	A2.02	23	89
1003009		Kiểm nghiệm chất lượng thực phẩm	1062	Trần Thị Thanh Mẫn	4	1234-----	PTN.KH TP	34567	
1004015		Chế biến món ăn	1087	Tạ Thị Tố Quyên	5	1234-----	B1.05	12	890123
1004016		Pha chế đồ uống	1032	Châu Thành Hiền	5	1234-----	C2.09	9012	
1003009		Kiểm nghiệm chất lượng thực phẩm	1062	Trần Thị Thanh Mẫn	6	1234-----	PTN.KH TP	4567	
1004015		Chế biến món ăn	1087	Tạ Thị Tố Quyên	6	1234-----	B1.05	012	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Thị Thanh Huyền

Đà Nẵng, Ngày tháng năm
TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: Cao đẳng chính quy khóa 2018 - Ngành Chế biến món ăn (18CM) - Sĩ Số: 7 - Công nghệ Thực phẩm

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 30/12/19 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (Tuần 1). Các ký từ 1 tiếp theo (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ

Mã MH	Tổ TH	Tên môn học	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học	
								123456789012345678901234567	
Thời Khóa Biểu Học Tập									
1004012		Chế biến món ăn Âu	1056	Trương Hồng Linh	2	-----6789----	B1.04	123	8901234
1004016		Pha chế đồ uống	1032	Châu Thành Hiền	3	-----6789----	C2.09	123	890123
1004012		Chế biến món ăn Âu	1056	Trương Hồng Linh	4	-----6789----	B1.04	23	8901234
1004016		Pha chế đồ uống	1032	Châu Thành Hiền	5	-----6789----	C2.09	12	89012
1004012		Chế biến món ăn Âu	1056	Trương Hồng Linh	5	-----6789----	B1.04	3	
1004016		Pha chế đồ uống	1032	Châu Thành Hiền	6	-----6789----	C2.09	012	
1004012		Chế biến món ăn Âu	1056	Trương Hồng Linh	6	-----6789----	B1.04	12	89
1004012		Chế biến món ăn Âu	1056	Trương Hồng Linh	6	-----6789----	B1.04	3	
Các học phần xếp TKB theo tuần									
1004025		Thực tập nghề (Kỹ thuật chế biến món ăn)			*			67890123456	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đà Nẵng, Ngày tháng năm
TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Đặng Thị Thanh Huyền

THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: Cao đẳng chính quy khóa 2018 - Ngành Quản trị DVDL và LH (18DL) - Sĩ Số: 15 - Kinh tế

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 30/12/19 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (Tuần 1). Các ký từ 1 tiếp theo (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ

Mã MH	Tổ TH	Tên môn học	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 123456789012345678901234567
Thời Khóa Biểu Học Tập								
1013013		Du lịch sinh thái	1074	Nguyễn Thị Kim Nguyên	2	-----678-----	A2.04	123
1013016		Quản trị kinh doanh lữ hành	1007	Bùi Thị Chiến	2	-----6789----	A2.04	89012
1013013		Du lịch sinh thái	1074	Nguyễn Thị Kim Nguyên	3	-----678-----	A2.04	123
1013016		Quản trị kinh doanh lữ hành	1007	Bùi Thị Chiến	3	-----6789----	A2.04	89012
1013016		Quản trị kinh doanh lữ hành	1007	Bùi Thị Chiến	5	-----6789----	A2.04	89012
1013013		Du lịch sinh thái	1074	Nguyễn Thị Kim Nguyên	5	-----678-----	A2.04	12
1013016		Quản trị kinh doanh lữ hành	1007	Bùi Thị Chiến	6	-----678-----	A2.04	89012
1013013		Du lịch sinh thái	1074	Nguyễn Thị Kim Nguyên	6	-----678-----	A2.04	12
Các học phần xếp TKB theo tuần								
1013014		Thực tập tại cơ sở (QTDVDLLH)			*			67890123456
1013015		Thực tập nghề cuối khóa (QTDVDLLH)			*			67890123456

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đà Nẵng, Ngày tháng năm
TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Đặng Thị Thanh Huyền

THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: Cao đẳng chính quy khóa 2018 - Ngành Quản trị khách sạn (18KS) - Sĩ Số: 27 - Kinh tế

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 30/12/19 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (Tuần 1). Các ký từ 1 tiếp theo (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ

Mã MH	Tổ TH	Tên môn học	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học	
								123456789012345678901234567	
Thời Khóa Biểu Học Tập									
1014021		Quản trị kinh doanh khách sạn	1066	Huỳnh Thị Kim Ngân	2	1234-----	A2.05	123	890123
1017013		Kế toán hoạt động kinh doanh nhà hàng, khách sạn	1081	Nguyễn Thị Hồng Nhung	3	123-----	A2.05	123	890123
1014015		Marketing nhà hàng, khách sạn	1007	Bùi Thị Chiển	4	123-----	A2.05	23	890123
1014021		Quản trị kinh doanh khách sạn	1066	Huỳnh Thị Kim Ngân	5	1234-----	A2.05	2	89012
1017013		Kế toán hoạt động kinh doanh nhà hàng, khách sạn	1081	Nguyễn Thị Hồng Nhung	5	123-----	A2.05	1	
1014015		Marketing nhà hàng, khách sạn	1007	Bùi Thị Chiển	6	123-----	A2.05	12	
1017013		Kế toán hoạt động kinh doanh nhà hàng, khách sạn	1081	Nguyễn Thị Hồng Nhung	6	123-----	A2.05		89012
Các học phân xếp TKB theo tuần									
1014020		Thực tập nghề cuối khóa (QTKS)			*				67890123456

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đà Nẵng, Ngày tháng năm

TL.HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Đặng Thị Thanh Huyền

THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Học Kỳ 2 - Năm Học 19-20

Lớp: Cao đẳng chính quy khóa 2018 - Ngành Quản trị kinh doanh (18M) - Sĩ Số: 9 - Kinh tế

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 30/12/19 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (Tuần 1). Các ký từ 1 tiếp theo (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ

Mã MH	Tổ TH	Tên môn học	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học	
								123456789012345678901234567	
Thời Khóa Biểu Học Tập									
1013010		Chiến lược kinh doanh	1106	Nguyễn Vũ Phương Thúy	2	123-----	A2.04	123	89012
1013006		Đàm phán kinh doanh	1014	Trần Hữu Đức	3	123-----	A2.04	123	89012
1013010		Chiến lược kinh doanh	1106	Nguyễn Vũ Phương Thúy	4	123-----	A2.04	23	8901
1013006		Đàm phán kinh doanh	1014	Trần Hữu Đức	5	123-----	A2.04	12	89012
1013010		Chiến lược kinh doanh	1106	Nguyễn Vũ Phương Thúy	6	123-----	A2.04	12	8901
Các học phần xếp TKB theo tuần									
1013008		Thực tập tại cơ sở (QTKD)			*			678901234567	
1013009		Thực tập nghề cuối khóa (QTKD)			*			678901234567	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đà Nẵng, Ngày tháng năm
TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Đặng Thị Thanh Huyền